

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ PHIÊN

PHÁT TRIỂN KINH TẾ
HUYỆN MINH LONG TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS BÙI QUANG BÌNH

Phản biện 1: PGS.TS NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Phản biện 2: TS. TRẦN THỊ BÍCH HẠNH

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Huyện Minh Long là một trong sáu huyện nghèo của tỉnh Quảng Ngãi. Mặc dù những năm qua cơ cấu kinh tế của huyện tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tuy nhiên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn chậm, kinh tế phát triển chưa bền vững, sản xuất nông nghiệp vẫn ở quy mô nhỏ, phân tán, các nguồn lực và lợi thế chưa được khơi dậy và khai thác có hiệu quả.

Huyện đang gặp khó khăn trong việc lựa chọn mô hình và giải pháp phát triển kinh tế phù hợp. Đây là vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: “PHÁT TRIỂN KINH TẾ HUYỆN MINH LONG TỈNH QUẢNG NGÃI” làm luận văn cao học, đồng thời qua đó đề xuất những phương hướng, giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các nghiên cứu về phát triển kinh tế

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Phát triển kinh tế đã được nhiều nhà khoa học kinh tế nước ngoài nghiên cứu, như Harrod [12], Kaldor [13], Lewis [14], Park [15], Ricardo [16], Solow [17], Torado [18], Hollis Chenery [19].

2.2. Các nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu về phát triển kinh tế là một trong những nội dung đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và thực hiện nhiều công trình, như các nghiên cứu của Vũ Thị Ngọc Phùng [11], Đinh Phi Hồ

[8] và Bùi Quang Bình [2], [3], [4], Lê Huy Đức [6], Nguyễn Thị Tuệ Anh và Lê Xuân Bá [1], Viện nghiên cứu quản lý Kinh tế trung ương.

3. Mục đích nghiên cứu

Đề tài thực hiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế, trên cơ sở đó đánh giá quá trình phát triển kinh tế của huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua với những nội dung cơ bản, đưa ra một số phương hướng, giải pháp nhằm phát triển kinh tế của huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến phát triển kinh tế nói chung và thực tiễn ở huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi.

- Phạm vi nghiên cứu

- + Nội dung phát triển kinh tế;
- + Địa bàn huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi;
- + Thời gian từ 2000 đến 2010.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận: tiếp cận thực nghiệm, hệ thống, lịch sử.
- Phương pháp nghiên cứu: sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như phương pháp phân tích thống kê, phương pháp so sánh, mô tả, chi tiết hóa, phương pháp chuyên gia, phương pháp tổng hợp.
- Phương pháp thu thập số liệu:
 - + Kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó;
 - + Tổng hợp các nguồn số liệu thông qua các báo cáo, tổng kết của các Sở, Ban, ngành trong tỉnh và huyện;
 - + Tìm thông tin qua: sách, tạp chí, báo chí, Internet...;

+ Kết hợp các phương pháp thu thập số liệu để có dữ liệu nghiên cứu và phân tích đầy đủ.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn đã hệ thống và vận dụng lý thuyết cũng như kinh nghiệm phát triển kinh tế nói chung vào trong nghiên cứu phát triển kinh tế của một huyện.

Kết quả nghiên cứu của luận văn được dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước ở các xã và huyện Minh Long trong việc xác định hướng đi và chọn cách để thực hiện chính sách phát triển kinh tế ở địa phương.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế của huyện Minh Long tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Phương hướng và các giải pháp phát triển kinh tế huyện Minh Long.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.1. Khái niệm về Phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Sự gia tăng được thể hiện ở quy mô và tốc độ tăng của chỉ tiêu này. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng có ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm giữa các thời kỳ. Thu nhập của nền kinh tế có thể biểu hiện dưới dạng hiện vật hoặc giá trị.

Nhưng tăng trưởng kinh tế không phải là điều kiện đủ để cải thiện mức sống chung.

Phát triển kinh tế được hiểu là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế. Phát triển kinh tế được xem như quá trình biến đổi cả về lượng và chất; nó là sự kết hợp một cách chặt chẽ quá trình hoàn thiện của hai vấn đề về kinh tế và xã hội ở mỗi quốc gia.

Hai trong số những thay đổi cơ cấu quan trọng nhất thường đi kèm với phát triển kinh tế là tỷ trọng phần đóng góp của ngành công nghiệp và dịch tăng lên cùng với phần đóng góp của nông nghiệp giảm xuống trong sản phẩm quốc dân và tỷ lệ dân chúng sống trong đô thị tăng nhiều hơn ở nông thôn.

Phát triển kinh tế được đánh giá bằng nhiều chỉ tiêu trên nhiều góc độ khác nhau nhưng có thể bao gồm nhóm chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, phản ánh sự phát triển xã hội... Trong đó các nghiên cứu quan tâm tới nhiều các chỉ tiêu như quy mô và tốc độ tăng trưởng của GDP hay GO, thu nhập theo

đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lao động và tỷ lệ nghèo đói...

Như vậy, **phát triển kinh tế** là một quá trình vận động tiến bộ không ngừng và đi lên. Trong khái niệm này, phát triển kinh tế phải là một quá trình lâu dài, luôn thay đổi và sự thay đổi đó theo hướng ngày càng hoàn thiện. Do vậy, *khái niệm phát triển kinh tế cũng được lý giải như một quá trình thay đổi theo hướng hoàn thiện về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định.*

1.2. Nội dung và tiêu chí phát triển kinh tế địa phương

1.2.1. Nội dung về Phát triển kinh tế

1.2.1.1. Tăng trưởng kinh tế cao và ổn định

Phát triển kinh tế là một khái niệm chuẩn tắc, một khái niệm không thể thể hiện bằng một thước đo hay một chỉ số duy nhất. Tăng trưởng kinh tế được coi là trọng tâm để đạt được phát triển kinh tế, nhưng để phát triển kinh tế cần có nhiều yếu tố, chứ không chỉ đơn thuần là tăng trưởng mà thôi.

Nhưng tăng trưởng kinh tế lại phụ thuộc vào khả năng huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế mà điều này trong các mô hình tăng trưởng kinh tế đều đã khẳng định. Các nguồn lực cho phát triển kinh tế địa phương bao gồm: đất đai và tài nguyên thiên nhiên, lao động, vốn, công nghệ... Chính điều kiện các nguồn lực này quyết định sự phát triển kinh tế.

1.2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu tích cực

Cơ cấu kinh tế được hiểu là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các bộ phận cấu thành đó trong một thời gian và trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Mối quan hệ về số lượng giữa các bộ phận cấu thành có thể biểu hiện qua tỷ trọng của mỗi ngành trong GDP, trong tổng lao động hay tổng vốn của nền

kinh tế tại một thời điểm nào đó. Nếu xem xét theo thời gian và trong mối quan hệ giữa các yếu tố đó sẽ phản ánh mối quan hệ về chất lượng mà thực chất là sự chuyển dịch cơ cấu.

Chuyển dịch cơ cấu là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo thời gian từ trạng thái và trình độ này tới một trạng thái và trình độ khác phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện vốn có nhưng không lặp lại trạng thái cũ.

Trong nội dung phát triển kinh tế có nội dung **Phát triển các ngành kinh tế nhanh và ổn định.**

1.2.1.3. Gia tăng nguồn lực cho phát triển

Theo mô hình hàm sản xuất thì sản lượng của nền kinh tế phụ thuộc vào số lượng các yếu tố nguồn lực như vốn, lao động, tài nguyên... và cách thức kết hợp các yếu tố nguồn lực đó - trình độ công nghệ của nền kinh tế.

Như vậy việc gia tăng các nguồn lực cho hoạt động kinh tế sẽ bảo đảm cho sự gia tăng sản lượng của nền kinh tế - tăng trưởng. Nhưng sự gia tăng này chỉ phản ánh sự phát triển dựa trên mở rộng quy mô và khai thác quy mô nguồn lực. Điều quan tâm nhất hiện nay chính là chất lượng của sự gia tăng sản lượng đó - hay phải duy trì lâu dài sự gia tăng kèm theo các nguồn lực được khai thác hiệu quả.

1.2.1.4. Tạo ra nhiều chuyển biến tích cực về xã hội

Nội dung phát triển kinh tế phản ánh sự tiến bộ về kinh tế sẽ cho phép thực hiện tiến bộ xã hội nhờ những tiền đề vật chất từ tiến bộ kinh tế. Nghĩa là tiến bộ xã hội đi liền với quá trình tiến bộ về kinh tế, dựa trên khai thác và phân phối thành quả của phát triển kinh tế để đạt được gia tăng phúc lợi cho người dân, họ có cuộc sống an toàn hơn, tiếp cận dễ dàng và bình đẳng với các dịch vụ công cộng.

1.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng của một nền kinh tế thường được tính từ chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc nội GDP hay tổng sản phẩm quốc dân GNP.

Mức tăng trưởng là giá trị khối lượng hàng hoá dịch vụ gia tăng trong một thời kỳ nghiên cứu tại một vùng lãnh thổ.

Ngoài ra, người ta còn sử dụng chỉ tiêu GDP/ng hay tốc độ tăng GDP/ng.

Tuy nhiên với nền kinh tế cấp huyện thì không thể sử dụng chỉ tiêu GDP hay GNP mà người ta thường dùng chỉ tiêu **tổng giá trị sản xuất GO**. GO bằng tổng giá trị của tất cả các hàng hóa dịch vụ ở địa bàn huyện.

$$GO = \sum_{i=1}^n P_i Q_i \quad (1.4)$$

Trong đó P_i là giá hàng hóa i theo giá cố định, Q_i lượng hàng hóa i .

Do sử dụng chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất để đo lường kết quả hoạt động kinh tế của địa phương cấp huyện nên để phản ánh thu nhập trên đầu người, các nhà thống kê sử dụng chỉ tiêu **tổng giá trị sản xuất GO/ng và tăng trưởng** của chỉ tiêu này.

$$\text{Thu nhập trên đầu người} = GO/\text{đân số} \quad (1.5)$$

Sự thay đổi mức và tỷ lệ đóng góp của các ngành vào giá trị sản xuất

$$\% \Delta Y_{it} = (Y_{it}/Y).100\% \quad (1.9)$$

Trong đó: Y là GO nền kinh tế

Y_{it} là giá trị sản xuất của ngành i năm t

Sự thay đổi tỷ lệ đóng góp của các ngành vào tổng giá trị sản xuất hay GDP, chỉ tiêu này phản ánh mức chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

$$\% \Delta Y_{it} = \% Y_{it} - \% Y_{i0}$$

Nội dung phát triển kinh tế được thể hiện qua huy động và hiệu quả sử dụng nguồn lực

- Số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động trong ngành và nền kinh tế
- Năng suất lao động chung và các ngành:
NSLĐ = GO/số lao động (1.10) hay NSLĐ = Sản lượng /số lao động
NSLĐ = VA/số lao động (1.11)
- Số vốn so với mức tăng kết quả sản xuất:

$$ICOR = \frac{I}{\Delta Y} \quad (1.12)$$

Hay

$$\text{Suất đầu tư} = \text{Mức vốn} / \text{sản lượng}$$

- Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp
Năng suất = sản lượng sản phẩm nông nghiệp / diện tích đất sử dụng

Hay

$$\text{Năng suất} = \text{Giá trị sản lượng hàng hóa thu được} / \text{diện tích đất sử dụng}$$

Tiêu chí về tiến bộ xã hội nhờ tiến bộ kinh tế

- + Mức thu nhập bình quân và mức tăng thu nhập năm
- + Tỷ lệ lao động có việc làm
- + Tỷ lệ tăng việc làm
- + Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc

+ Tỷ lệ hộ nghèo và mức giảm hộ nghèo

Mức hưởng thụ y tế, giáo dục

+ Số bác sỹ /1 vạn dân

+ Số giường bệnh/ 1 vạn dân

+ Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi

+ Số giáo viên/ 1000 học sinh

+ Tỷ lệ trẻ em bỏ học các độ tuổi

+ Số người đi học/ 1000 dân

1.3. Các nhân tố tác động đến Phát triển kinh tế

1.3.1. Điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên

1.3.2. Chính sách phát triển của địa phương

1.3.3. Điều kiện cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội

1.4. Kinh nghiệm Phát triển kinh tế

1.4.1. Kinh nghiệm của huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi

1.4.2. Kinh nghiệm của huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An

1.4.3. Bài học kinh nghiệm

- Xác định thế mạnh của huyện
- Thu hút và huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế
- Khai thác tiềm năng lao động để phát triển kinh tế
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đồng thời nâng cao năng suất nông nghiệp
- Tập trung xây dựng nông thôn mới
- Lựa chọn mục tiêu phát triển toàn diện, giải quyết an sinh xã hội

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA HUYỆN MINH LONG TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Thực trạng phát triển kinh tế của huyện

2.1.1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế

Kinh tế huyện Minh Long giai đoạn 2001 - 2010 có sự tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản xuất năm 2000 đạt 23.411,2 triệu đồng, đến năm 2006 tăng lên 43.560,0 triệu đồng, năm 2008 là 67.397,7 triệu đồng, năm 2010 ước đạt 92.977 triệu đồng (theo giá cố định 1994). Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2001 - 2010 đạt 14,0%/năm, giai đoạn 2006-2010 đạt 14,37%/năm . Các ngành kinh tế của huyện đều đạt sự phát triển liên tục.

Biểu 2.1: Tăng trưởng kinh tế huyện Minh Long giai đoạn 2000 – 2010

Đơn vị: Triệu đồng (Giá CĐ năm 1994)

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2009	Năm 2010	Tốc độ tăng trưởng bình quân(%/năm)	
					2001-2010	2006-2010
Tổng GTSX	23.411,20	44.655,00	79.047	87.401	14,0	14,37
1. Nông, lâm, thủy sản	14.498,90	22.561,00	34.534,00	37.765,00	10,0	10,8
2. Công nghiệp - XD	3.819,10	11.422,00	19.229,00	23.461,00	19,9	15,4
3. Dịch	5.093,20	10.672,00	25.284,00	26.175,00	17,8	19,6

vụ						
----	--	--	--	--	--	--

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Minh Long và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Long đến năm 2010 [10]

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong giai đoạn 2000-2010, cơ cấu kinh tế của huyện (tính theo GTSX) chuyển dịch theo hướng tích cực.

Tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 16,31% năm 2000 lên 23,6 % vào năm 2008, 25,9% vào năm 2009 ước năm 2010 đạt 28,7%, tức là tăng 12,4%. Tỷ trọng khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm dần từ 61,92% năm 2000 xuống còn 41,7% năm 2008, 40,2% năm 2009 và ước giảm còn 38,9% năm 2010, tức giảm 23%. Tỷ trọng khối dịch vụ tăng từ 21,8% năm 2000 lên 34,7% năm 2008, 33,8% năm 2009 và ước đạt 32,4% năm 2010, tức là tăng 10,6%.

2.1.3. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế của huyện

2.1.3.1. Ngành nông – lâm – thủy sản

Biểu 2.2: Cơ cấu và tốc độ phát triển GTSX nông, lâm, thủy sản

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2009	Năm 2010	Tốc độ tăng trưởng BQ (%)	
					2006-2010	2000-2010
Giá trị sản xuất (triệu đồng giá 1994)	14.499	22.561	34.534	37.765	10,85	10,0
- Nông nghiệp	13.316	17.893	23.415	26.015	7,8	6,9
- Lâm nghiệp	1.108	4.538	10.719	11.350	20,1	26,2
- Thủy sản	76	130	400	400	25,2	18,1

Nguồn: Niên giám thống kê và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 huyện Minh Long [10]

Ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp là ngành sản xuất chính của huyện Minh Long, thu hút trên 80% lực lượng lao động. Giai đoạn 2006-2010 sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân đạt 10,85%/năm, Xét cả giai đoạn 2000- 2010 tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản đạt khoảng 10%.

Từ năm 2000 đến nay, sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm, lâm nghiệp có tỷ trọng tăng dần (xem biểu 2.3).

Biểu 2.3. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Minh Long (%)

Ngành	2000	2008	2009	2010	Thay đổi
Nông nghiệp	91,8	82,4	59,8	59,5	-32,3
Lâm Nghiệp	7,6	16,9	38,5	38,9	+31,3
Thủy sản	0,6	0,7	1,7	1,6	+1,0

Nguồn: Niên giám thống kê và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 huyện Minh Long [10]

2.1.3.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

Trong giai đoạn 2000-2010, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện mới bước đầu phát triển, chủ yếu là sản xuất tiểu công nghiệp, tuy nhiên việc sản xuất còn manh mún, sơ khai. Tất cả các xã chưa hình thành các điểm công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung.

Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng năm 2009 đạt 19,23 tỷ đồng năm 2010 dự kiến đạt 23,46 tỷ đồng (giá cố định 1994), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt

18,22%, giai đoạn 2001-2010 đạt 24,9%.

2.1.3.3. Thương mại, dịch vụ

Bao gồm thương mại, du lịch, dịch vụ khác (tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, văn hóa thể thao...).

2.2. Tình hình xã hội trong quá trình phát triển

2.2.1. Dân số

Bao gồm: qui mô dân số, tốc độ tăng dân số và biến động quy mô dân số, cơ cấu dân số (huyện có 2 dân tộc, bao gồm: dân tộc Hre chiếm 70% (10.931 người) và dân tộc Kinh chiếm 30% (4.677 người).

2.2.2. Tình hình việc làm

2.2.3. Tình hình xóa đói giảm nghèo và các chính sách xã hội khác

2.2.4. Tình hình phát triển y tế giáo dục

2.2.5. Tình hình môi trường

2.3. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn lực

2.3.1. Tình hình huy động và sử dụng lao động

Bao gồm: quy mô nguồn lao động, chất lượng nguồn lao động, cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế, cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế.

Biểu 2.15. Một số chỉ tiêu về lao động - việc làm

Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2008	2010
Nguồn lao động (từ 15 tuổi trở lên)	Người	7.370	8.641	8.816
Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân	Người	7.205	8.004	8.287
Cơ cấu lao động	%	100,0	100,0	100
- LĐ nông, lâm, ngư nghiệp	%	85,96	78,9	76,3

- LĐ công nghiệp - XD	%	2,8	3,84	4,3
- LĐ khu vực dịch vụ.	%	11,24	17,25	19,4
Tỷ lệ LĐ không có việc làm	%	0,74	0,62	0,40

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Minh Long [10]

2.3.2. Tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư

Biểu 2.16. Tình hình vốn đầu tư ở huyện Minh Long

(Tỷ đồng giá HH)

	2000	2008	2009	2010
1. Nông, lâm, thủy sản	30.45	73.32	111.20	119.72
2. Công nghiệp -XD	8.02	38.04	64.22	82.58
3. Dịch vụ	10.70	35.32	87.23	85.59
Tổng vốn đầu tư	49.16	146.68	262.65	287.89

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Minh Long [10]

Biểu 2.17. Hiệu quả đầu tư ở huyện Minh Long

	2000	2008	2009	2010
1. Nông, lâm, thủy sản	2.1	2.25	2.22	2.17
2. Công nghiệp -XD	2.21	2.33	2.34	2.52
3. Dịch vụ	2.04	2.31	2.45	2.27
Chung	2.10	2.29	2.32	2.30

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Minh Long [10]

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thể hiện ở biểu 2.17. Hiệu quả thể hiện thông qua hệ số giữa vốn đầu tư (I/GO) và giá trị sản xuất (GO) theo giá 1994. Như vậy hệ số này chênh lệch không đáng kể giữa các ngành trong khoảng 2.1 tới 2.5. Tuy nhiên xu hướng tăng dần chứng tỏ hiệu quả đầu tư giảm dần. Huyện cần có những giải pháp để giải quyết vấn đề này nâng cao hiệu quả đầu tư.

2.3.3. Tình hình sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên của Minh Long là 21.689,69 ha, chiếm 12,96 % tổng diện tích toàn tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 2008, cơ cấu sử dụng đất của huyện: đất nông nghiệp là 15.928,81 ha chiếm 73,44%; đất phi nông nghiệp là 702,68 ha chiếm 3,24%; đất chưa sử dụng là 5.058,02 ha chiếm 23,32%.

Năm 2010 diện tích đất nông nghiệp tăng lên đạt 19.173,88ha, đất phi nông nghiệp 810,36 ha, diện tích đất chưa sử dụng giảm xuống chỉ còn 1598,73ha. Huyện đã huy động nguồn tài nguyên đất đai vào phát triển nông nghiệp từ hơn 73% tăng lên 88%. Như vậy huyện đã chú trọng khai thác thế mạnh tài nguyên đất của mình.

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của huyện

Sự phát triển kinh tế của địa phương phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau. Các nhân tố này có cả những nhân tố chủ quan và khách quan. Muốn khai thác và tận dụng các yếu tố này thì phải có những thông tin chính xác về chúng. Phần dưới đây sẽ phân tích cụ thể để từ đó rút ra những đánh giá làm cơ sở cho các giải pháp.

2.4.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên

Bao gồm: điều kiện tự nhiên, tài nguyên (nguồn nước, khoáng sản, rừng, du lịch – nhân văn).

2.4.2. Chính sách phát triển của địa phương

Trong những năm qua để phát triển huyện Minh Long đã không ngừng nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều chính sách quan trọng.

Bao gồm: Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, chính sách chung, chính sách đầu tư, chính sách đất đai.

2.4.3. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng của huyện

Bao gồm: Giao thông (đường tỉnh, đường huyện, đường liên xã, thôn, xóm, đường trung tâm huyện lỵ), thủy lợi, năng lượng điện, bưu chính viễn thông, cấp, thoát nước.

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HUYỆN

3.1. Các căn cứ để đề xuất

Phương hướng và các giải pháp phát triển kinh tế huyện Minh Long được đề xuất tuân thủ đường lối chủ trương của đảng, phù hợp với chính sách pháp luật của nhà nước, dựa trên cơ sở lý luận khoa học, gắn kết với kết quả điều tra khảo sát, với thực tiễn, đồng thời trên tinh thần phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương, của các thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư.

3.2. Phương hướng phát triển

3.2.1. Các quan điểm phát triển

(1) Phù hợp, liên kết, phối hợp với các địa phương, tỉnh, khu vực

(2) Phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, tranh thủ sự hỗ trợ, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

(3) Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng

- (4) Giải quyết các vấn đề an sinh xã hội
- (5) Bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai
- (6) Đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã

hội

3.2.2. Mục tiêu phát triển

3.2.2.1. Mục tiêu tổng quát

3.2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 15,5%/năm, giai đoạn 2016-2020 đạt 17,5%/năm.

- Đến năm 2015, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng khoảng 32- 33%, khu vực dịch vụ chiếm 33-34%, ngành nông, lâm, thủy sản giảm xuống còn 35-36%. Đến năm 2020 công nghiệp - xây dựng chiếm 35-36%; khu vực dịch vụ chiếm 39-40%, nông, lâm, thủy sản giảm xuống còn 26- 27%.

3.3. Các giải pháp

3.3.1. Nhóm giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế

3.3.1.1. Giải pháp thúc đẩy phát triển Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản là nhiệm vụ quan trọng, mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo hướng phát huy hết thế mạnh của vùng miền núi là lâm nghiệp (cây nguyên liệu...), chăn nuôi đại gia súc và kinh tế vườn rừng, phù hợp hệ sinh thái, phát triển một cách bền vững.

Với ngành Trồng trọt

Chú trọng thâm canh, tăng năng suất đi đôi với nâng cao chất

lượng, sản lượng hàng hoá và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục phát triển theo mô hình sản xuất hàng hoá và mô hình kinh tế trang trại, chuyển dịch cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất canh. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nuôi trồng các cây, con có giá trị kinh tế cao.

Nội dung giải pháp ngành trồng trọt đề cập đến: Nhóm cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm.

Với ngành Chăn nuôi

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc và gia cầm hàng hóa với quy mô thích hợp.

Lâm nghiệp

Cần thực hiện tốt công tác quy hoạch với việc điều chỉnh cơ cấu 3 loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất lâm nghiệp. Phối hợp hiệu quả quy hoạch phát triển lâm nghiệp với quy hoạch sử dụng đất, nhất là đất ở của các hộ dân.

Thủy sản

Khai thác có hiệu quả các tốt thủy vực như ao, hồ các loại để nuôi cá và các loại thủy sản nước ngọt, góp phần tăng nguồn thực phẩm thủy sản phục vụ đời sống của nhân dân trong huyện.

3.3.1.2. Giải pháp thúc đẩy phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp- xây dựng

Phát triển công nghiệp huyện Minh Long gắn với tiềm năng về cung cấp nguồn nguyên liệu của huyện, gắn với phát triển thương

mại - dịch vụ và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Đẩy mạnh đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế và khả năng cạnh tranh.

3.3.1.3. Giải pháp thúc đẩy phát triển Dịch vụ

3.3.2. Hoàn thiện chính sách phát triển

3.3.2.1. Quản lý qui hoạch

Công tác quản lý và thực hiện đúng qui hoạch được phê duyệt là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước góp phần tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Tập trung xây dựng nông thôn mới.

3.3.2.2. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn theo hướng quy hoạch nông thôn mới, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo bước đột phá để thúc đẩy phát triển kinh tế toàn diện.

Đẩy mạnh khai thác các nguồn thu.

Phát triển giao thông nông thôn phải gắn liền với phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, vận chuyển hàng hóa, góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh, trật tự.

Tập trung huy động nguồn lực, vận dụng cơ chế, thủ tục đầu tư, xúc tiến đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi hóa đất màu và kiên cố hóa kênh mương, chương trình này gắn với quy hoạch chuyển đổi phát triển cây trồng cận có giá trị thu nhập cao.

3.3.2.3. Các chính sách liên kết, thu hút đầu tư

Coi trọng phát huy vai trò của các thành phần kinh tế vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Nhân rộng các mô hình kinh tế hoạt động có hiệu quả ở các thành phần kinh tế, lấy thước đo hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá. Có cơ chế, chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các mô hình này trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có vấn đề liên kết với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

3.3.2.4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

3.3.3. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực để phát triển

3.3.3.1. Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển

Vốn đầu tư là yếu tố quan trọng đầu tiên cho quá trình phát triển kinh tế. Đối với huyện Minh Long hiện nay, nhu cầu về vốn đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển là rất lớn, trước mắt là giải quyết một số mục tiêu quan trọng như: đầu tư cho cơ sở hạ tầng, đầu tư cho giáo dục đào tạo, y tế, xóa đói giảm nghèo. Tăng vốn là quan trọng, nhưng quan trọng hơn là tăng hiệu quả đầu tư của các nguồn vốn.

3.3.3.2. Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của một địa phương phản ánh khả năng lao động của xã hội được thể hiện qua hai mặt: số lượng và chất lượng. Để phát huy hiệu quả số lượng lao động thì cần phải chú ý đến chất lượng lao động.

3.3.3.3. Quản lý và sử dụng đất đai, khoáng sản hợp lý, hiệu quả

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tài nguyên môi trường là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai

Chủ động tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư các dự án, đáp ứng nhu cầu đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Cải thiện môi trường đầu tư. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, phân bố đất đai hợp lý, thực hiện tốt công tác dồn điền đổi thửa, đầu tư phát triển nông thôn mới, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa con người với đất đai.

Sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch, hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất bền vững. Sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững quỹ đất sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp trên cơ sở bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước.

Việc khai thác sử dụng đất, khoáng sản phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất, môi trường tự nhiên, nâng cao chất lượng môi trường sống, bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

3.3.3.4. Khoa học công nghệ

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước và các thành phần kinh tế về vai trò của khoa học công nghệ trong việc tạo ra năng suất lao động cao, làm gia tăng số lượng và chất lượng sản phẩm cho xã hội, giúp rút ngắn thời gian để tăng thu nhập bình quân đầu người ở địa phương.

Xác định rõ khoa học công nghệ không chỉ là nhiệm vụ của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cơ quan khoa học công nghệ, mà còn là công việc của các cấp, ngành, doanh nghiệp và mọi người.

Ứng dụng phổ biến công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và trong các thành phần kinh tế. Tăng lượng vốn đầu tư hàng năm cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ.

3.3.4. Nhóm giải pháp cải thiện vấn đề xã hội

3.3.4.1. Về Dân số

3.3.4.2. Về lao động, việc làm

3.3.4.3. Về Giáo dục - đào tạo

3.3.4.4. Về Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

3.3.5. Giải quyết tốt vấn đề môi trường

Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch hành động bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

KẾT LUẬN

Minh Long là một trong 6 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi và là một trong 63 huyện của cả nước nằm trong chương trình Nghị quyết 30a của Chính phủ.

Tuy vậy, từ sau khi Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2006-2010 và đặc biệt là sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 30a về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đã tạo ra luồng sinh khí mới, thời cơ lớn và nguồn lực mạnh cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Được sự quan tâm sâu sắc của tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương, kịp thời của cấp ủy, sự tổ chức phối hợp triển khai thực hiện nhịp nhàng có hiệu quả của chính quyền, mặt trận, hội đoàn thể, được sự đồng tình hưởng ứng sâu rộng của nhân dân, nhờ đó những năm qua kinh tế - xã hội và dân sinh của huyện đã khởi sắc, đạt được nhiều kết quả khả quan mang tính bền vững.

Trong giai đoạn hiện nay tình hình kinh tế của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định; lạm phát vẫn ở mức cao, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; nợ công, đặc biệt là nợ nước ngoài tăng nhanh; dự trữ ngoại hối mỏng, áp lực đối với tỉ giá còn lớn; thị trường tài chính, thị trường bất động sản giảm sút, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đang phải đối mặt với tình trạng giá cả đầu vào, lãi suất cao, hàng tồn kho lớn. Việc thực hiện các chủ trương của Đại hội XI về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Đời sống của nhân dân, nhất là người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội, người lao động ở các đô thị, khu công nghiệp, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, tình hình thu hút đầu tư và triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Tiến độ thi công và giải ngân các công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước còn chậm; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều ách tắc,... Trong 9 tháng đầu năm 2011, giá trị sản xuất công nghiệp giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước (do nhà máy lọc dầu Dung Quất dừng sản xuất một thời gian để bảo dưỡng định kỳ lần 1), giá trị xuất khẩu hàng hóa giảm 36,1%, thời tiết diễn biến thất thường, ảnh hưởng đến năng suất của lúa vụ Đông Xuân nên sản lượng cây lương thực có hạt giảm 3,6% ...

Dự báo năm 2012 và một số năm tiếp theo thì tình hình khủng hoảng nợ công và lạm phát tăng cao ở nhiều nước không chỉ làm chậm quá trình phục hồi kinh tế thế giới trong năm 2011 mà còn tiếp tục gây khó khăn, thậm chí có nguy cơ đẩy kinh tế thế giới rơi

vào tình trạng suy thoái mới. Do vậy, dự báo năm 2012 vẫn là năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

Để ứng phó với tình hình trong nước, thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, Đảng và Nhà nước đã xác định cần phát huy tốt hơn nữa vai trò có ý nghĩa quyết định của Nhà nước trong kiến tạo, điều tiết sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trong giai đoạn 2011 - 2015 phấn đấu với mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; riêng năm 2012 ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Đứng trước những khó khăn, thách thức của tình hình kinh tế cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng, điều kiện phát triển kinh tế của huyện chịu ảnh hưởng bất lợi rất lớn. Tuy nhiên, với những định hướng, chủ trương đúng đắn, có phương hướng và giải pháp phù hợp, tận dụng tối đa lợi thế so sánh, cộng với sự quyết tâm đồng lòng của nhân dân địa phương, hy vọng kinh tế của huyện sẽ tiếp tục có sự chuyển biến phát triển tích cực, phấn đấu đạt được mục tiêu tổng quát Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ huyện Minh Long đã đề ra: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác các tiềm năng và huy động các nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tăng tỷ trọng giá trị hàng hóa trong sản xuất ngành nông - lâm nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; tăng*

*cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội;
nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; tạo nền tảng để
đến năm 2020 huyện Minh Long thoát khỏi huyện nghèo./.*